

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẤT ĐỎ
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

Bản án số 03/2021/DSST

Ngày 29-01-2021

“V/v t/c hợp đồng mua bán tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Tiến.
- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Văn Trọng.
Ông Nguyễn Văn Hà.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mai, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tùng Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 138/2020/TLST- DS ngày 29 tháng 10 năm 2020. Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2020/QĐXXST- DS ngày 11/12/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST- DS ngày 11/01/2021 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà Huỳnh Thị Ngọc B, sinh năm 1967. Vắng mặt.

Địa chỉ: 49/ô 3 tổ 11 khu phố T, thị trấn Đ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

* **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1977; Ông Nguyễn Hữu N, sinh năm 1977. Vắng mặt.

Địa chỉ: 493 tổ 7 khu phố P, thị trấn Đ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**Theo đơn khởi kiện ghi ngày 26/10/2020, bản khai tiếp theo, biên bản hòa giải nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ngọc B trình bày như sau:* Bà B biết bà T ông N, qua làm ăn mua bán lúa, bà B bán lúa cho bà T sau mỗi vụ thu hoạch. Năm 2018 sau khi thu hoạch lúa, bà B chở đến lò sấy lúa của bà T sấy khô gửi lại kho và mua thêm lúa của bà T gửi lại khi nào giá lúa tăng bán lại cho bà T hưởng chênh lệch. Ngày 16/4/2018 bà B gửi tại kho của T 100 xe lúa, tương đương 5.000 thùng, giá lúa là 77.000đ/ thùng tổng số tiền là 385.000.000đ. Đến tháng 6 năm 2018 giá lúa tăng, bà B chốt giá bán toàn bộ số lúa trên cho bà T, bà T đồng ý mua tổng cộng số tiền là 420.000.000đ. Bà T trả cho bà B 20.000.000đ, còn nợ lại 400.000.000đ bà T có viết giấy tay ghi nợ. Năm 2019 bà B mua của bà T mua 60 xe lúa nở và 60 xe lúa dẻo

bầu tương đương 6.000 thùng giá 66.500đ/thùng thành tiền là 399.000.000đ, được khấu trừ vào số tiền bà T nợ năm 2018 là 400.000.000đ, bà B không phải thanh toán tiền mua lúa cho bà T. Số lúa trên bà B gửi lại kho lúa của bà T như thường lệ mỗi vụ, đến cuối tháng 6/2019 giá lúa tăng, bà B chốt giá bán lúa dẻo bầu 68.000đ/thùng x 3.000 thùng = 204.000.000đ; Lúa nở giá 70.000đ thùng x 3.000 thùng = 210.000.000đ. Tổng cộng số tiền là 414.000.000đ, bà T đồng ý mua có ghi giấy tính tiền, cộng thành tiền bà T phải thanh toán là 414.000.000đ. Đến tháng 11/2019 bà T đã thanh toán được 4.000.000đ còn nợ lại 410.000.000đ đến nay không thanh toán. Giấy tay là do bà T tự viết và ký, giấy tay ghi số tiền 414.000.000đ không có chữ ký của bà T do tờ giấy này chỉ tính quy ra tiền mà bà T phải thanh toán, không bán thiếu nên không buộc bà T ghi nhận nợ. Sau đó bà T chỉ thanh toán được 4.000.000đ còn nợ là 410.000.000đ, bà T không thanh toán cũng không ghi giấy nhận nợ. Nay, bà B yêu cầu Tòa án buộc bà T cùng chồng là ông N phải thanh toán cho bà B số tiền mua lúa còn nợ là 410.000.000đ, không yêu cầu lãi suất.

* *Qua yêu cầu của nguyên đơn*, Tòa án đã triệu tập bị đơn để cung cấp bản khai, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà T, ông N vắng mặt không lý do chính đáng, nên không có ý kiến phản đối, phản tố của bà T, ông N.

* *Ý kiến của viện kiểm sát về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự, cũng như quan điểm về nội dung vụ án như sau:*

- Về tố tụng: Thẩm phán xác định đúng thẩm quyền giải quyết và các thủ tục tố tụng khác; Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng. Đối với đương sự: nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, Bị đơn chưa chấp hành.

- Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

Bà Huỳnh Thị Ngọc B khởi kiện bà Nguyễn Thị Phương T, ông Nguyễn Hữu N tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, bà T ông N có hộ khẩu thường trú tại huyện Đất Đỏ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ theo quy định tại Điều 26; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà T ông N vắng mặt, mặc dù đã được cấp tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng, bà B có đơn xin xét xử vắng mặt, đủ căn cứ giải quyết vắng mặt đương sự quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[1] Chứng cứ do B cung cấp: 01 tờ giấy tay ghi ngày 16/4/2018, nội dung "B gửi tại lò sấy bà T 100 xe lúa nở thành tiền là 385.000đ", bên dưới có chữ ký và chữ viết tên của bà T; 01 tờ giấy tay ghi "lúa gửi 60 xe bầu = 204.000.000đ và 60 xe nở = 210.000.000đ cộng 414.000.000". Trong quá trình thụ lý vụ kiện, công khai

chứng cứ, hòa giải mặc dù đã cấp tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng, nhưng bà T ông N vắng mặt. Không thu thập được ý kiến của bà T ông N để xác định bà T, ông N có giao dịch làm ăn gì với bà B hay không? Có mua lúa như bà B trình bày hay không? Các tờ giấy tay có phải do bà T ghi và ký hay không? Nội dung ghi trên giấy tay có như lời trình bày của bà B hay không? Bà B khẳng định chứng cứ là 02 tờ giấy tay là do bà T tự viết và ký khi đã chốt giá tính toán quy ra thành tiền mua lúa mà bà T phải trả cho bà B là 414.000.000đ. "*N vụ của đương sự phải cung cấp chứng cứ chứng minh bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của mình, đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh cho sự phản đối đó*". Lời trình bày của bà B ngày 16/4/2018 có gửi lúa tại lò sấy bà T 100 xe lúa nở thành tiền 385.000.000đ, tháng 6/2018 bán cho bà T được 420.000.000đ được hưởng chênh lệch 35.000.000đ. Đầu năm 2019 gửi 60 xe lúa nở và 60 xe lúa dẻo bầu thành tiền 399.000.000đ, tháng 6/2019 bán cho bà T số tiền 414.000.000đ. Lời trình bày của bà B phù hợp với tập quán làm ăn tại địa phương và chứng cứ cung cấp. Trong vụ kiện này bà B cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, bà T không chấp hành theo giấy triệu tập, không cung cấp chứng cứ phản đối yêu cầu của bà B mà không có lý do chính đáng, xem như chấp nhận chứng cứ do bà B cung cấp. Do đó có đủ căn cứ xác định bà T có mua lúa của bà B và còn nợ bà B như yêu cầu, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà B.

Về trách nhiệm trả nợ: Không triệu tập được bà T, ông N để xác định việc mua bán ông N có biết hay không, số tiền mua bán có phục vụ vào lợi ích chung của gia đình hay không, nợ phát sinh trong giai đoạn hôn nhân nên trách nhiệm của ông N phải cùng bà T trả nợ.

[2] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Phương T và ông Nguyễn Hữu N phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là $(410.000.000đ = 20.000.000đ + 10.000.000đ \times 4\%) = 20.400.000đ$ (Hai mươi triệu bốn trăm ngàn đồng). Bà B không phải chịu án phí.

[3] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 91, 147, 227, 228, 271 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 116, 430, 440 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Ngọc B về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Phương T, ông Nguyễn Hữu N trả nợ số tiền là 410.000.000đ (Bốn trăm mười triệu đồng)

Buộc bà Nguyễn Thị Phương T, ông Nguyễn Hữu N có N vụ thanh toán cho bà Huỳnh Thị Ngọc B tiền nợ là 410.000.000đ (Bốn trăm mười triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2 - Về án phí: Bà Nguyễn Thị Phương T, ông Nguyễn Hữu N phải chịu 20.400.000đ (Hai mươi triệu, bốn trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Bà Huỳnh Thị Ngọc B không phải chịu án phí, hoàn trả lại cho bà B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.000.000đ (Mười triệu đồng) theo biên lai thu số 0000982 ngày 26/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ.

3 - Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 29/01/2021), đương sự vắng mặt tại phiên tòa mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 (7a, 7b) và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND H.Đất Đỏ;
- Các đương sự;
- CCTHADS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tiến